



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 92/Tốt Lành/2024

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

**Tên tổ chức, cá nhân:** CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TỐT LÀNH

**Địa chỉ:** 194 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Điện thoại:** (028) 3512.5248

**Fax:** (028) 3512.5247

**E-mail:** lpthao@goodfood.com.vn

**Mã số doanh nghiệp:** 0303085267

**Số giấy chứng nhận sở hữu điều kiện ATTP:** Không áp dụng

**II. Thông tin về sản phẩm:**

1. **Tên sản phẩm:** THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC UỐNG QUÝT CÔ ĐẶC SUNQUICK – SUNQUICK MANDARIN DRINK CONCENTRATE

2. **Thành phần:**

Nước ép trái cây từ cô đặc (50 %) (Quýt (25 %) và cam), đường, nước, chất điều chỉnh độ acid (acid citric (INS 330), trikali citrat (INS 332(ii))), chất ổn định (gôm gua (INS 412), gôm gellan (INS 418)), hương liệu tự nhiên, vitamin C (acid L-ascorbic 0,1 %), chất bảo quản (natri benzoat (INS 211), natri metabisulfite (INS 223), kali sorbat (INS 202)), chất tạo ngọt tổng hợp (sucralose (trichlorogalacto sucrose) (INS 955), acesulfam kali (INS 950)), phẩm màu (phẩm màu tổng hợp: beta-caroten tổng hợp (INS 160a(i)), phẩm màu tự nhiên: beta-apo-8'-carotenal (INS 160e)).

3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

**Chất liệu bao bì:** sản phẩm đóng trực tiếp trong chai thủy tinh, nắp nhựa PP.

Chất liệu bao bì bảo đảm an toàn thực phẩm theo qui định Bộ Y Tế

**Quy cách đóng gói:**

**Thể tích thực:** 700 ml

5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

**BARKATH CO-RO MANUFACTURING SDN. BHD.**

**Địa chỉ:** 1140, Lrg Perusahaan Sg. Lokan 5, MK 16, Kaw. Perusahaan Sg. Lokan, 13800 Butterworth, Penang, Malaysia.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

#### **IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- **QCVN 6-2:2010/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- **QCVN 8-2:2011/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- **QCVN 8-1:2011/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

*Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 06 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



**GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**  
*Nguyễn Thị Diệu*

# NHÃN GỐC

- ✓ Made with fruit juice  
Làm bằng nước trái cây
- ✓ No artificial flavours  
Không có hương liệu nhân tạo

**UK:** Since 1966, Sunquick has been creating joyful moments around the world. It is loved and trusted for its distinct, rich and juicy taste. With each bottle making many litres of refreshing fruit drink, Sunquick is perfect for sharing with family and friends. Sunquick is made with fruit juice.

**VN:** Được phát triển từ năm 1966, Sunquick nhanh chóng lan tỏa những khoảnh khắc vui và trên khắp thế giới. Sản phẩm được ưa chuộng và tin dùng bởi hương vị trái cây khác biệt, đậm đà và sáng khoái. Sunquick là thức uống giải khát hoàn hảo để chia sẻ cùng gia đình và bạn bè. Sunquick được làm bằng nước ép trái cây. [www.sunquick.com](http://www.sunquick.com)



Direction for use: Dilute 1 part Sunquick with 9 parts water - or to your preferred taste.  
Nội dung cách pha: Pha 1 phần Sunquick với 9 phần nước - hoặc theo khẩu vị ưa thích của bạn.



Scan QR code for email, social media, website & recipe inspiration  
Quét mã QR để nhận email, thông tin truyền thông mạng xã hội, website và cảm hứng và các công thức pha chế.  
Xuất xứ: Malaysia / Origin: Malaysia

**Warning:** Quality cannot be guaranteed after expired date.  
**Thông tin cảnh báo:** Chất lượng sản phẩm không đảm bảo sau khi đã hết hạn sử dụng.

**Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:**  
Produced by/Nhà sản xuất:  
BARKATH CO-RO MANUFACTURING SDN. BHD.  
1140, Ury Perusahan Sg. Lokan 5, MK 16, Kaw. Perusahan Sg. Lokan, 13800 Butterworth, Penang, Malaysia.  
Imported by / Nhập khẩu và tự công bố bởi:  
GOOD FOOD CO. LTD.  
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TỐT LÀNH  
194 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh  
Tel: (028) 3512 5248

**BATCH NO.:**  
**EXP. / Hạn sử dụng:**



VITAMIN C

Mandarin  
Drink Concentrate  
Quýt  
Nước Uống Cô Đặc



**Thực phẩm bổ sung: Nước uống quýt cô đặc Sunquick - Sunquick Mandarin Drink Concentrate.**

Hàm lượng nước ép từ cô đặc 50%.  
Thành phần: Nước ép trái cây từ cô đặc (60%) (Quýt (25%) và cam), đường, nước, chất điều chỉnh độ acid (acid citric (INS 330), trikali citrat (INS 332(iii)), chất ổn định (gôm guar (INS 412), gôm gelatin (INS 418)),

hương liệu tự nhiên, vitamin C (acid L- ascorbic 0,1%), chất bảo quản (natri benzoat (INS 211), natri metabisulfít (INS 223), kali sorbat (INS 202)), chất tạo ngọt tổng hợp (sucralose (trichlorogalacto sucrose) (INS 955), acesulfam kali (INS 950)), phẩm màu (phẩm màu tổng hợp: beta-caroten tổng hợp (INS 160a(i)), phẩm màu tự nhiên: beta-apo 8'- carotenol (INS 160a)),

Nutrition ingredients per 100ml / Thành phần dinh dưỡng trên mỗi 100ml	Nutritional value/Giá trị dinh dưỡng	
	Diluted / Pha loãng	Undiluted / Nguyên chất
Năng lượng / Energy	17 kcal	175 kcal
Chất đạm / Protein	0 g	0 g
Carbohydrat / Carbohydrate	3,8 g	39 g
Đường tổng số / Total sugar	3,8 g	38 g
Chất béo / Fat	0 g	0 g
Natri / Sodium	3 mg	19 mg
Vitamin C	7,5 mg (10%)	75 mg

\*% of Nutrient Reference Values (NRV).  
\*% Giá trị nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị.

**Điều kiện bảo quản:** Bảo quản ở nơi khô ráo thoáng mát. Bảo quản ở nhiệt độ phòng sau khi mở chai và sử dụng hết trong vòng 8 tuần.

**Ngày sản xuất 12 tháng trước Hạn sử dụng.**  
Đối tượng sử dụng: Trên 3 tuổi  
Liều khuyến dùng: 10 - 20 ml sunquick / ngày

Net / Thể tích thực  
**700 ml**



## CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TỐT LÀNH

(ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH  
*Nguyễn Lợi Điền*

**BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM**

1. Tên sản phẩm: **THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC UỐNG QUÝT CÔ ĐẶC SUNQUICK – SUNQUICK MANDARIN DRINK CONCENTRATE**

2. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

**BARKATH CO-RO MANUFACTURING SDN. BHD.**

Địa chỉ: 1140, Lrg Perusahaan Sg. Lokan 5, MK 16, Kaw. Perusahaan Sg. Lokan, 13800 Butterworth, Penang, Malaysia.

3. Trạng thái sản phẩm:

- Dạng lỏng
- Màu sắc: màu đặc trưng của sản phẩm
- Thể tích thực: 700 ml

4. Thành phần: Nước ép trái cây từ cô đặc (50 %) (Quýt (25 %) và cam), đường, nước, chất điều chỉnh độ acid (acid citric (INS 330), trikali citrat (INS 332(ii))), chất ổn định (gôm gua (INS 412), gôm gellan (INS 418)), hương liệu tự nhiên, vitamin C (acid L-ascorbic 0,1 %), chất bảo quản (natri benzoat (INS 211), natri metabisulfit (INS 223), kali sorbat (INS 202)), chất tạo ngọt tổng hợp (sucralose (trichlorogalacto sucrose) (INS 955), acesulfam kali (INS 950)), phẩm màu (phẩm màu tổng hợp: beta-caroten tổng hợp (INS 160a(i)), phẩm màu tự nhiên: beta-apo-8'-carotenal (INS 160e)).

5. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Vitamin C	mg/100ml (tỉ lệ pha 9 nước : 1 sunquick)	6,75 – 8,25

6. Chỉ tiêu an toàn:

6.1. Chỉ tiêu ô nhiễm vi sinh vật: (theo QCVN 6-2:2010/BYT)

Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa
1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/ml sản phẩm	100
2. Coliforms, CFU/ml	10
3. E. coli, CFU/ml	Không được có
4. Streptococci faecal, CFU/ml	Không được có
5. Pseudomonas aeruginosa, CFU/ml	Không được có
6. Staphylococcus aureus, CFU/ml	Không được có
7. Clostridium perfringens, CFU/ml	Không được có
8. Tổng số nấm men và nấm mốc, CFU/ml	10

## 6.2. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: (theo QCVN 6-2:2010/BYT)

Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa
Nước quả và nectar quả thuộc chi Citrus (chi Cam chanh)	
- Piperonyl butoxid, mg/l	0,05
Nước cam và nectar cam	
- 2-Phenylphenol, mg/l	0,5
- Propargit, mg/l	0,3

## 6.3. Giới hạn ô nhiễm kim loại nặng: (theo QCVN 8-2:2011/BYT)

Stt	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa (mg/l)
1	Cadmi (Cd)	1,0
2	Chì (Pb)	3,0
3	Thủy ngân (Hg)	0,1

## 6.4. Giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm: (theo QCVN 8-1:2011/BYT)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Patulin	µg/kg	50

## 7. Hướng dẫn sử dụng:

**Hướng dẫn sử dụng (cách dùng):** Pha 1 phần Sunquick với 9 phần nước - hoặc theo khẩu vị ưa thích của bạn. **Liều khuyên dùng:** 10 – 20 ml sunquick / ngày. **Đối tượng sử dụng:** Trên 3 tuổi

## 8. Hướng dẫn bảo quản:

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nơi khô ráo thoáng mát. Bảo quản ở nhiệt độ phòng sau khi mở chai và sử dụng hết trong vòng 8 tuần.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 06 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**  
*Nguyễn Thị Diệu*

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/05/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y240E1385

Mã KQ/ RP. No: 001027277.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TỐT LÀNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : 194 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/05/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 15/05/2024 - 20/05/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC UỐNG QUÝT CÔ ĐẶC SUNQUICK - SUNQUICK MANDARIN DRINK CONCENTRATE
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai thủy tinh kín
- Bảng kết quả/ Results Table :



STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/mL	1	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
2	Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/mL	1	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/mL	1	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
4	Pseudomonas aeruginosa (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/mL	1	TS-KT VS-30:2019
5	Streptococci faecal (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/mL	1	TS-KT-VS-31:2019
6	Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/mL	1	AOAC 975.55
7	Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/mL	1	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
8	Tổng số nấm men nấm mốc (*)/ Yeasts and Moulds (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/mL	1	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)
9	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-27:2021
10	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-27:2021
11	Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-27:2021
12	Patulin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	1.15	TS-KT-SK-65:2018 (Ref. AOAC 2000.02)
13	Piperonyl butoxide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-SK-09:2020

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 2/2

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y240E1385

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/05/2024

Mã KQ/ RP. No: 001027277.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
14	2-Phenylphenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-SK-14:2020
15	Propargite	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-SK-09:2022

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TAN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

**Telephone: (+84) 28.7302.4687**

**Website: <http://tsl-net.com.vn>**

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 06/06/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y272F1086

Mã KQ/ RP. No: 001033800.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TỐT LÀNH**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : 194 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 01/06/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 01/06/2024 - 06/06/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC UỐNG QUÝT CÔ ĐẶC SUNQUICK - SUNQUICK MANDARIN DRINK CONCENTRATE**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai thủy tinh kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Vitamin C (Ascorbic acid) (*)	75	mg/100ml	-	TS-KT-SK-32:2019 (Ref. TCVN 8977:2011, AOAC 2012.21)

**Chú thích/ Remarks:**

1. (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

HUYỀN TẤN CƯỜNG



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.